TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ THANH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 30/5/2025
V/v ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân:1. Ông Nguyễn Ngọc Thắng
2. Nguyễn Văn Len

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn, nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị L** - Sinh năm 1991
Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
Chỗ ở hiện nay: Thôn B B, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
Có đơn xin xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Bùi Văn P** - Sinh năm 1992
Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
Có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày* 06/01/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trương Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn P tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2011; đến ngày 08/01/2016 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2022. Nguyên nhân do: Tính cách không hợp, quan điểm sống không giống nhau nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, to tiếng, xúc phạm nhau; gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Không chịu được đời sống chung với anh P nên chị đã mang con về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2022 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn nên chị Trương Thị L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Như Thanh giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn P.

Về con chung: Chị và anh Bùi Văn P có 04 con chung là:
Bùi Thị Tú Q, sinh ngày 19/11/2011
Bùi Gia B, sinh ngày 07/12/2016
Bùi Hải Đ, sinh ngày 17/3/2019
Bùi Minh K, sinh ngày 27/3/2021

Hiện cả 04 cháu đều đang ở với chị và phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ. Khi ly hôn chị L đề nghị được nuôi cả 04 cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị để tùy anh P quyết định, chị không có ý kiến gì.

Về tài sản và công nợ: Chị Trương Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Trương Thị L còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn; Bản sao Giấy khai sinh các cháu Q, B, Đ, K; Giấy xác nhận về nơi cư trú của vợ chồng; Căn cước công dân của vợ chồng (bản sao có chứng thực); Biên lai thu tiền tạm ứng án phí và Đơn xin xử vắng mặt.

* *Tại Bản tự khai ngày 28/4/2025,* bị đơn là anh Bùi Văn P thừa nhận cơ sở kết hôn và tình trạng hôn nhân của vợ chồng đúng như chị L đã trình bày trình bày. Xét thấy vợ chồng sống ly thân đã 03 năm mà không thể hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn chị L. Về con chung, anh Phi công N số con chung của vợ chồng như chị L đã trình bày. Khi ly hôn, anh P đề nghị chị L trực tiếp nuôi cả 04 cháu Bùi Thị Tố Q1, Bùi Gia B, Bùi Hải Đ và Bùi Minh K. Anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi cháu một tháng 500.000 đồng. Về tài sản và công nợ, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo bản tự khai, anh P còn nộp cho Tòa án đơn xin xét xử vắng mặt; trong đơn anh giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong Bản tự khai đã nộp cho Tòa án.

* *Tại phiên tòa:* Chị Trương Thị L và anh Bùi Văn P đều có đơn xin xử vắng mặt.

Phần tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị L và anh P đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật TTDS Tòa án huyện N tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh P.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị L và anh Bùi Văn P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M ngày 08/01/2016 nên hôn nhân giữa chị L và anh P là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2022. Nguyên nhân do: Tính cách không hợp, quan điểm sống không giống nhau nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, to tiếng, xúc phạm nhau. Chị L và anh P đã sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay. Chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nghĩ nên cho chị L được ly hôn anh P là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Trương Thị L và anh Bùi Văn P có 04 con chung là: Bùi Thị Tú Q, sinh ngày 19/11/2011; Bùi Gia B, sinh ngày 07/12/2016; Bùi Hải Đ, sinh ngày 17/3/2019; Bùi Minh K, sinh ngày 27/3/2021. Chị L, anh P đều yêu cầu giao cho chị L trực tiếp nuôi cả 04 con chung, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L, mỗi cháu một tháng 500.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của chị Lương T khớp với nguyện vọng của anh P và phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên trên 07 tuổi nên chấp nhận yêu cầu của chị L và anh P là phù hợp.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị Trương Thị L và anh Bùi Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị Trương Thị L là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; anh Bùi Văn P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:* Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào: Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị L, cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị L được ly hôn anh Bùi Văn P.

Về con chung: Giao cho chị Trương Thị L trực tiếp nuôi cả 04 con chung của chị và anh Bùi Văn P là: Bùi Thị Tú Q, sinh ngày 19/11/2011; Bùi Gia B, sinh ngày 07/12/2016; Bùi Hải Đ, sinh ngày 17/3/2019; Bùi Minh K, sinh ngày 27/3/2021. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi cháu một tháng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 06/2025 cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

Anh P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Bùi Văn P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí chị L phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0003562 ngày 04/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa; chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;*
- *UBND xã Mậu Lâm;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;*
- *Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Đình Huy